TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Bình
2. Ông Vũ Tiến Thịnh

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXX-ST ngày 26/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1983

HKTT: Số nhà 02, ngõ 64, đường D, tổ 11, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Thôn H, xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Số nhà 02, ngõ 64, đường D, tổ 11, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Chị Y vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Vvắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Phạm Thị Y có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Y kết hôn với anh Nguyễn Văn V trên cơ

sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vào ngày 30/6/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại số nhà 02, ngõ 64, đường D, tổ 11, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng hòa thuận khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Vthường xuyên uống rượu, không làm chủ được bản thân nên gây sự đánh đập chị vô cớ. Chị đã nhiều lần bỏ qua nhưng chỉ được thời gian ngắn anh Vlại gây sự đánh đập chị. Đến tháng 7/2022 vợ chồng đưa con chung lên làm ăn và thuê nhà trọ tại Thôn H, xã H1, huyện V, tỉnh Bắc Giang nhưng anh Vvẫn không thay đổi. Ngày 20/11/2022 sau khi uống rượu anh Vlại đe doạ, đánh đập chị, lần này chị phải nhờ cơ quan công an đến giải quyết và thuê nhà khác để ở, còn anh Vsau đó cũng bỏ về Thái Bình, rồi đi đâu, làm gì nữa thì chị không biết. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 20/11/2022 đến nay, không hỏi han, quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Chị Y xác nhận chị và anh Vcó 01 con chung là Nguyễn Y Nhi, sinh ngày 25/11/2018 hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Vphải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị không có thai nghén gì.

Lý do chị nhận nuôi con vì kể từ khi vợ chồng ly thân, con chung ở với chị và do chị nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện con khỏe mạnh và phát triển bình thường, đang học tại trường mầm non Hồng Thái, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Chị làm công nhân may có thu nhập trung bình là 09 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn V vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nên không trực tiếp thể hiện quan điểm.

- Tại biên bản xác minh với bà Nguyễn Thị Lương, sinh năm 1946 (mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn V), địa chỉ tại số nhà 02, ngõ 64, đường D, tổ 11, phường B, thành phố Thái Bình thể hiện:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và chị Phạm Thị Y là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng bà một thời gian sau đó lên Bắc Giang làm ăn. Trong thời gian chung sống, anh chị nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và anh Vcó đánh chị Y. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hiện nay bà được biết anh Vui, chị Y không ở với nhau nữa, anh Vvề Thái Bình một thời gian rồi đi Hà Nội làm việc, địa chỉ cụ thể bà không nắm được. Tuy nhiên anh Vvẫn thường xuyên liên lạc và thỉnh thoảng về nhà. Bà đã nhận được các tài liệu Toà án gửi cho anh Vvà đã thông báo để anh Vbiết, bản thân anh Vcũng đã một lần lên Toà án nhưng

không gặp được chị Y. Quan điểm của anh Vlà không muốn vợ chồng ly hôn nhưng nếu chị Y cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý và để chị Y tự giải quyết. Về phía gia đình bà nhất trí đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng anh Vvà chị Y ly hôn để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng chị Y anh Vcó 01 con chung là Nguyễn Y Nhi, sinh ngày 25/11/2018 hiện đang ở cùng chị Y tại Bắc Giang. Trường hợp Toà án giải quyết vợ chồng ly hôn thì vấn đề nuôi dưỡng con chung bà đề nghị Toà án xem xét theo nguyện vọng của chị Y. Còn ý kiến của anh Vđề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lương cho rằng anh Vui, chị Y không có tài sản chung gì.

- Tại biên bản xác minh với cơ sở tổ dân phố số 11, phường B, thành phố Thái Bình thể hiện: Anh Nguyễn Văn V có hộ khẩu thường trú tại tổ 11, phường B, hiện anh Vkhông có mặt tại địa phương nhưng có thỉnh thoảng về nhà. Anh Vvà chị Phạm Thị Y là vợ chồng hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống với mẹ đẻ anh Vlà bà Nguyễn Thị Lương. Trong thời gian chung sống tại địa phương, anh chị có thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể, tổ dân phố không nắm được. Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Y Nhi, sinh năm 2018 hiện ở cùng chị Y. Về tài sản chung hay nợ của anh Vui, chị Y tổ dân phố không rõ. Nay chị Y xin ly hôn anh Vui, tổ dân phố đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật và tình hình thực tế để giải quyết.

- Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng không những tự tước bỏ quyền của mình mà còn thể hiện không có ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn V là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Vcó hộ khẩu thường trú tại phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Phạm Thị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành tống đạt: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn… nhưng anh Vvẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của để làm rõ tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Y, anh Vlà hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 06 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và anh Vcó hành vi đánh chị Y. Từ ngày 20/11/2022, chị Y đã quyết định sống ly thân với anh Vcho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được việc chị Y xin ly hôn nhưng anh Vkhông trực tiếp đến Tòa án trình bày quan điểm, điều đó chứng tỏ anh Vkhông có thiện chí hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y, anh Vđã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Y được ly hôn anh Vlà phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Y và anh Vcó 01 con chung là Nguyễn Y Nhi, sinh ngày 25/11/2018 hiện đang ở cùng chị Y. Ly hôn, chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Vphải góp tiền cấp dưỡng nuôi con còn anh Vthông qua mẹ đẻ cũng thể hiện quan điểm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, hiện con chung đang ở với chị Y, điều kiện nuôi con của chị Y về nơi ở, sinh hoạt, học tập của con chung đều được đảm bảo. Bản thân chị Y có việc làm và thu nhập ổn định nên cần giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Y không yêu cầu anh Vphải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Vkhông bày tỏ quan điểm nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Y phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Phạm Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Y Nhi, sinh ngày 25/11/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Y không yêu cầu anh Vphải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y. Anh Vcó quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai số 0001063 ngày 24/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Chị Y đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Thị Phượng

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND thành phố Thái Bình;*
- *Chi cục THADS thành phố Thái Bình;*
- *UBND phường B, Tp. Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nơi ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Phượng